TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2025/HS-ST
Ngày: 14 - 3 - 2025.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thu và bà Lê Thị Thao.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Trịnh Hoàng Phương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng tham gia phiên tòa*:** Bà Đỗ Thị Xoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng và điểm cầu thành phần Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2025/TLST-HS ngày 25/02/2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2025/QĐXXST-HS ngày 03/3/2025, đối với các bị cáo:

1. Lò Văn D, sinh ngày 28/8/2001, tại huyện M, tỉnh Sơn La; HKTT: Bản T, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn D1, sinh 1977 và bà Lò Thị H, sinh 1980; Gia đình có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Lường Thị B, sinh 2001 và có 01 con sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

2. Cà Văn T, sinh ngày 13/02/1993, tại huyện M, tỉnh Sơn La; HKTT: Bản T1, xã T, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cà Văn H1 (đã chết) và bà Lường Thị T1, sinh 1970; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Quàng Thị T2, sinh 1994 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2024. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 26/12/2024 đến ngày 29/12/2024 chuyển tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hải Dương. Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo T: Bà Nguyễn Thị Liên - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương. Có mặt.

* Người làm chứng: Anh Nguyễn Trọng Q, anh Nguyễn Trọng Q1, anh Phạm Văn Th, chị Lường Thị B1. (Đều vắng mặt).

* **Điểm cầu trung tâm gồm:** Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án; người bào chữa; những người làm chứng.

* **Điểm cầu thành phần:** Các bị cáo Cà Văn T, Lò Văn D; Người hỗ trợ tổ chức phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà - Cán bộ Tòa án huyện Cẩm Giàng; bà Bùi Hoàng Hải - Kiểm sát viên VKSND huyện Cẩm Giàng và ông Nguyễn Văn Chính - Cán bộ Trại tạm giam Công an tỉnh Hải D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cà Văn T và Lò Văn D là bạn bè quen biết và đều là người sử dụng ma túy heroine. Do có nhu cầu sử dụng ma túy và bán kiếm lời nên sáng 25/12/2024, D đi xe ôtô khách đến khu vực phố N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên mua của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) 01 gói ma tuý loại heroine với số tiền 800.000 đồng. D cất gói ma tuý trong người rồi đi xe ôtô khách về. Trên đường đi bộ về phòng trọ ở khu 5, phường C, thành phố Hải Dương, D ra bãi đất trống thuộc huyện Cẩm Giàng bỏ một phần ma túy ra sử dụng, số còn lại D cất đi mục đích ai hỏi mua sẽ bán. Khoảng 21 giờ 30 cùng ngày, T sử dụng zalo nick "Ca Toan" gọi điện cho D qua zalo nick "Văn D" hỏi mua 300.000 đồng ma túy loại heroine để sử dụng, D đồng ý và hẹn giao ma túy ở khu T, phường T5, thành phố Hải Dương. T thuê xe ôm của một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) đến địa điểm đã hẹn để mua ma tuý. Tại đây, T đưa cho D 400.000 đồng mua ma tuý, D trả lại 100.000 đồng và đưa cho T 01 gói ma túy loại heroine.

Sau khi mua được ma túy, T cất giấu trong túi quần dài phía trước, bên phải rồi đi xe ôm đến thôn N, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng tìm nơi sử dụng. Khoảng 22 giờ ngày 25/12/2024, T đang đi bộ trong thôn Ngọ thì bị lực lượng Công an thị trấn L kiểm tra, bắt quả tang, thu giữ: 01 gói giấy bạc màu trắng, kích thước (01x1,5) cm, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng; 01 chứng nhận đăng ký xe môtô tên chủ xe Cà Văn T; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe môtô tên Cà Văn T; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh, gắn sim 0328637893 và kèm theo số 0977375706 của T. Ngày 26/12/2024, Cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với Lò Văn D, đồng thời quản lý: 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đồng, gắn sim 0906062361 và số tiền 400.000 đồng do D giao nộp; quản lý số tiền 100.000 đồng do Cà Văn T giao nộp.

Tại phiếu kết quả xét nghiệm chất ma túy đối với Lò Văn D, Cà Văn T đều có kết quả dương tính với ma túy loại heroine.

Tại Kết luận giám định số 64/KL-KTHS ngày 28/12/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hải Dương, kết luận: Mẫu chất bột (dạng cục) màu

trắng trong gói giấy bạc màu trắng có khối lượng là 0,122g ma tuý, loại Heroine (hoàn lại sau giám định 0,084g ma tuý loại heroine).

Tại Cáo trạng số 24/CT-VKS ngày 24/02/2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo Lò Văn D về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Cà Văn T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Cà Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 251, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn D. Xử phạt bị cáo D từ 02 năm 01 tháng đến 02 năm 04 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/12/2024.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cà Văn T. Xử phạt bị cáo T từ 01 năm 01 tháng đến 01 năm 04 tháng tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/12/2024.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 0,084g ma tuý loại heroine hoàn lại sau giám định; 01 mảnh giấy bạc màu trắng; các sim số 0328637893, sim số 0977375706, sim số 0906062361. Đề nghị doanh nghiệp Viễn thông Viettel và MobiFone thu hồi lại số sim viễn thông theo quy định.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách Nhà nước trị giá 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đồng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 300.000đồng thu giữ của bị cáo D và 100.000đồng do bị cáo T tự nguyện sung quỹ Nhà nước; Trả lại bị cáo D 100.000đồng nhưng được giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn T.

Người bào chữa cho bị cáo T xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo

thành khẩn khai báo và thể hiện thái độ ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 12 đến 14 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

Tại phiên toà, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung nêu trên, nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thẩm quyền: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải D nơi phát hiện tội phạm đã có văn bản trao đổi thống nhất với Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Hải D đồng ý để Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng tiếp tục điều tra, giải quyết đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lò Văn D theo quy định tại khoản 4 Điều 163 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải D có thẩm quyền xét xử vụ án nơi kết thúc việc điều tra theo quy định tại khoản 1 Điều 269 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Căn cứ chứng minh hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với chính lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, kết luận giám định, vật chứng thu giữ, lời khai của người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 25/12/2024, tại khu T, phường T5, thành phố Hải Dương, Lò Văn D có hành vi bán trái phép cho Cà Văn T 01 gói ma tuý loại Heroine có khối lượng 0,122g với số tiền 300.000 đồng. Sau khi mua được ma tuý, T cất giấu trái phép trên người với mục đích để sử dụng cho bản thân. Khoảng 22 giờ cùng ngày, khi T đi đến thôn N, thị trấn L, huyện Cẩm Giàng thì bị cơ quan Công an thị trấn L, huyện Cẩm Giàng phát hiện và thu giữ vật chứng.

[4]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến chính sách độc quyền của Nhà nước về quản lý chất ma túy, gây mất trật tự an T xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tác hại của ma túy và hành vi mua bán mục đích để kiếm lời, hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Như vậy hành vi của bị cáo D đủ yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình

sự; hành vi của bị cáo T đủ yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Trong vụ án này, Lò Văn D phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về tội Mua bán trái phép chất ma tuý; Cà Văn T phải chịu trách nhiệm hình sự độc lập về tội Tàng trữ trái phép chất ma tuý. Các bị cáo đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo, thể hiện thái độ ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo thể hiện tính nhân đạo, sự khoan hồng của pháp luật. Các bị cáo phạm tội có tính chất nghiêm trọng nên cần buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù có thời hạn tương ứng với tính chất, hành vi phạm tội, cách ly khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

6]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Thu giữ của bị cáo T 01 gói giấy bạc màu trắng, bên trong chứa 0,122g ma tuý loại Heroine (hoàn lại sau giám định 0,084g ma tuý loại heroine). Đây là vật cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Thu giữ của T 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh, gắn sim số 0328637893 và sim số 0977375706 và thu giữ của D 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đồng, gắn sim số 0906062361. Đây là phương tiện bị cáo sử dụng để liên lạc, trao đổi với nhau về việc mua bán trái phép chất ma túy nên cần tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước trị giá chiếc điện thoại và tịch thu tiêu hủy các sim số 0328637893, sim số 0977375706, sim số 0906062361.

Thu giữ số tiền 400.000 đồng của bị cáo D gồm 02 tờ tiền mệnh giá 200.000đồng, trong đó có 300.000đồng là tiền bị cáo nhận của bị cáo T do bán ma túy mà có, còn 100.00đồng không liên quan đến việc phạm tội; thu giữ số tiền 100.000đồng của bị cáo T là tiền bị cáo D trả lại khi mua ma túy, không liên quan đến việc phạm tội. Do vậy tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000đồng thu giữ của bị cáo D. Trả lại bị cáo D 100.000đồng nhưng được giữ lại để bảo đảm thi hành án. Tại phiên tòa bị cáo T không nhận lại số tiền 100.000đồng, tự nguyện sung quỹ Nhà nước nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo T sử dụng các số thuê bao di động 0328637893, 0977375706 và bị cáo D sử dụng số thuê bao di động 0906062361 để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Khi thu giữ kiểm tra tài khoản các sim số điện thoại nêu trên đều không còn tiền trong tài khoản. Vì vậy yêu cầu doanh nghiệp viễn thông Viettel

và doanh nghiệp viễn thông MobiFone thu hồi số thuê bao di động nêu trên theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

Đối với 01 chứng nhận đăng ký xe môtô tên chủ xe Cà Văn T; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc TNDS của chủ xe môtô tên Cà Văn T. Đây không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo T nhận ngày 29/12/2024 là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Lò Văn D bị kết án nên phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; Bị cáo Cà Văn T là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí nên miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo T.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10]. Về các vấn đề khác: Đối với người bán ma túy cho D và người lái xe ôm chở T đi mua ma tuý không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có căn cứ xử lý. Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy của Cà Văn T và Lò Văn D, Trưởng Công an huyện Cẩm Giàng đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 251, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lò Văn D.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Cà Văn T.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn D phạm tội "Mua bán trái phép chất ma túy", bị cáo Cà Văn T phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. Về hình phạt chính:

- Xử phạt bị cáo Lò Văn D **02** (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/12/2024.

Xử phạt bị cáo Cà Văn T **01** (một) năm **01** (một) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ 26/12/2024.

3. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy 01 gói giấy bạc màu trắng, 0,084g ma tuý loại heroine là mẫu vật hoàn lại sau giám định; các sim số 0328637893, sim số 0977375706, sim số 0906062361.

Tịch thu phát mại nộp ngân sách nhà nước trị giá 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 promax màu xanh và 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Iphone 11 Promax màu đồng.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 300.000đ thu giữ của bị cáo D và số tiền 100.000đ thu giữ của bị cáo T (do bị cáo T tự nguyện sung quỹ Nhà nước).

Trả lại các bị cáo D số tiền 100.000đ nhưng được giữ lại để bảo đảm thi hành án.

(Đặc điểm vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Cẩm Giàng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Giàng ngày 25/02/2025).

Yêu cầu doanh nghiệp viễn thông Viettel thu hồi số thuê bao di động 0328637893, 0977375706 và yêu cầu doanh nghiệp viễn thông MobiFone thu hồi số thuê bao di động 0906062361 theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 53 Luật Viễn thông.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lò Văn D phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Cà Văn T.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải D;
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hải D;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Hải D;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hải D;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải D;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bùi Ngọc Khuyến